

KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ MỤN TRỨNG CÁ MỨC ĐỘ NHẸ VÀ TRUNG BÌNH BẰNG KEM CHỨA HOẠT CHẤT TỪ RAU MƯƠNG TẠI CẦN THƠ NĂM 2023-2024

Nguyễn Văn Lâm¹, Nguyễn Thị Thu Trâm¹, Nguyễn Hữu Giàu^{*1},
Lê Minh Nhân¹, Nguyễn Thị Bé Hai¹, Quách Bùi Hồng Minh², Trần Văn Độ¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Bệnh lý mụn trứng cá thường phổ biến ở lứa tuổi thanh thiếu niên. Điều trị bệnh lý này ngày càng khó khăn do tình trạng kháng thuốc của vi khuẩn gây nhiễm trùng cơ hội. Sử dụng các hợp chất từ thiên nhiên có khả năng kháng khuẩn, kháng viêm và chống oxy hóa trở thành một hướng nghiên cứu tiềm năng, nhằm cung cấp các giải pháp điều trị an toàn và bền vững. Trong số các dược liệu tự nhiên, rau mương (chi *Ludwigia*, họ *Onagraceae*) được chú ý nhờ đáp ứng các tiêu chí trên. **Mục tiêu nghiên cứu:** Đánh giá kết quả kết quả điều trị mụn trứng cá mức độ nhẹ và trung bình bằng kem chứa cao chiết rau mương tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và phòng khám Hòa Minh. **Đối tượng, phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang và can thiệp lâm sàng không nhóm trên 31 bệnh nhân được chẩn đoán mụn trứng cá và điều trị bằng kem chứa cao chiết rau mương từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2024. **Kết quả:** Trong tổng số bệnh nhân, nam giới chiếm 54,8%, và đa số bệnh nhân (93,6%) thuộc nhóm tuổi từ 12 đến 19. Về mức độ bệnh, 74,2% được phân loại là nhẹ và 25,8% (tương đương 8 bệnh nhân) là trung bình. Đánh giá hiệu quả điều trị cho thấy, tại tuần thứ 4, tỷ lệ bệnh nhân đạt hiệu quả đáp ứng trung bình cao nhất (45,2%), trong khi hiệu quả ở mức độ khá chiếm tỷ lệ thấp nhất (25,8%). Đến tuần thứ 8, tỷ lệ bệnh nhân đạt hiệu quả đáp ứng tốt tăng lên 51,6%, trong khi hiệu quả ở mức trung bình giảm xuống còn 22,6%. Về tác dụng phụ, có 2 trường hợp (6,5%) báo cáo triệu chứng ngứa ngay khi bắt đầu sử dụng sản phẩm, tuy nhiên tình trạng này nhanh chóng biến mất sau vài ngày; đồng thời, 2 trường hợp khác bị bùng mụn sau 4 tuần điều trị nhưng tình trạng đã được cải thiện rõ rệt vào tuần thứ 8. **Kết luận:** điều trị mụn trứng cá mức độ nhẹ và trung bình bằng kem chứa cao chiết rau mương bước đầu đạt hiệu quả tốt.

Từ khóa: Mụn trứng cá, rau mương.

SUMMARY

TREATMENT OUTCOMES OF MILD AND MODERATE ACNE USING CREAM CONTAINING LUDWIGIA EXTRACT IN CAN THO, 2023-2024

Background: Acne is a prevalent dermatological

condition, particularly affecting adolescents. The management of acne has become increasingly challenging due to the rising incidence of antibiotic-resistant opportunistic pathogens. Consequently, the exploration of natural compounds possessing antibacterial, anti-inflammatory, and antioxidant properties has emerged as a promising research avenue, with the aim of developing safe and sustainable treatment modalities. Among these natural agents, *Ludwigia* (genus *Ludwigia*, family *Onagraceae*) has garnered significant attention due to its demonstrated pharmacological properties. **Objective:** To evaluate the therapeutic outcomes for mild and moderate acne using cream containing *Ludwigia* extract at Can Tho University of Medicine and Pharmacy Hospital and Hoa Minh Clinic. **Methods:** A cross-sectional descriptive and non-controlled clinical intervention study was conducted on 31 patients diagnosed with acne, who were treated with the cream containing *Ludwigia* extract from December 2023 to December 2024. **Results:** Among the study cohort, 54.8% were male, and 93.6% were aged between 12 and 19 years. Regarding disease severity, 74.2% of patients were classified as having mild acne, whereas 25.8% (equivalent to 8 patients) were diagnosed with moderate acne. Efficacy evaluation revealed that at week 4, 45.2% of patients exhibited a moderate therapeutic response, while only 25.8% achieved a good response. By week 8, the percentage of patients demonstrating a good response increased to 51.6%, concomitant with a reduction in the moderate response rate to 22.6%. With respect to adverse effects, 2 cases (6.5%) reported transient itching at treatment initiation, which resolved within a few days, and 2 cases experienced an exacerbation of acne at week 4, with notable improvement by week 8. **Conclusion:** The initial use of cream containing *Ludwigia* extract has achieved good results in treating mild and moderate acne.

Keywords: Acne, *Ludwigia*.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mụn trứng cá là một bệnh lý da liễu phổ biến, đặc biệt ảnh hưởng đến nhóm tuổi thanh thiếu niên[1]. Trong bối cảnh các phác đồ điều trị hiện nay, chủ yếu dựa vào kháng sinh và liệu pháp điều trị nội tiết, tình trạng kháng thuốc của vi khuẩn gây nhiễm trùng trong mụn trứng cá ngày càng gia tăng, dẫn đến giảm hiệu quả điều trị và gia tăng nguy cơ biến chứng. Vì vậy, việc tìm kiếm các hợp chất từ thiên nhiên có khả năng kháng khuẩn, kháng viêm và kháng oxy hóa trở thành một hướng nghiên cứu tiềm năng,

¹Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

²Cty TNHH SX &KD Hòa Minh Q

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Hữu Giàu

Email: nhgiau@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 6.01.2025

Ngày phản biện khoa học: 12.2.2025

Ngày duyệt bài: 10.3.2025

nhằm cung cấp các giải pháp điều trị an toàn và bền vững. Trong số các dược liệu tự nhiên, rau mướp (chi *Ludwigia*, họ *Onagraceae*) được chú ý nhờ công dụng kháng khuẩn, kháng viêm và kháng oxy hóa. Các nghiên cứu trước đây tại Việt Nam đã phân lập được hơn 74 hợp chất từ các loài *Ludwigia*, bao gồm các nhóm flavonoid, phenolic, triterpenoid, steroid và coumarin, với một số hợp chất được chứng minh có hoạt tính sinh học nổi bật [7]. Những đặc tính này tạo cơ sở khoa học vững chắc cho việc ứng dụng rau mướp trong điều trị các bệnh nhiễm trùng và viêm, trong đó có mụn trứng cá. Tuy nhiên, mặc dù có nhiều tiềm năng, nghiên cứu về bào chế và đánh giá lâm sàng các sản phẩm chứa cao chiết rau mướp vẫn còn hạn chế. Chính vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá kết quả ứng dụng kem chứa cao chiết rau mướp trong điều trị mụn trứng cá, thông qua việc phân tích hiệu quả lâm sàng và độ an toàn của sản phẩm trên mẫu bệnh nhân. Kết quả nghiên cứu kỳ vọng sẽ cung cấp thêm cơ sở khoa học cho việc phát triển các giải pháp điều trị mụn tự nhiên, góp phần mở rộng lựa chọn điều trị an toàn và bền vững trong thực hành lâm sàng. Vì vậy nghiên cứu "*Kết quả điều trị mụn trứng cá mức độ nhẹ và trung bình bằng kem chứa cao chiết rau mướp tại Cần Thơ năm 2023-2024*" được thực hiện với mục tiêu cụ thể: Đánh giá kết quả điều trị mụn trứng cá mức độ nhẹ và trung bình bằng kem chứa cao chiết rau mướp tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và phòng khám Hòa Minh.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Tất cả bệnh nhân được chuẩn đoán là mụn trứng cá và được điều trị từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2024.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Bệnh nhân được chẩn đoán mụn trứng cá dựa vào các đặc điểm lâm sàng (nhân trứng cá, sẩn đỏ, sẩn mụn mủ, mụn mủ, cục, nang, áp xe nông sâu). Bệnh nhân đồng ý tham gia nghiên cứu. Bệnh nhân dưới 16 tuổi sẽ hỏi ý kiến gia đình trước khi tiến hành điều trị.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Bệnh nhân đang sử dụng corticoid qua đường uống, bôi, toàn thân. Bệnh nhân đang mắc một số bệnh lý nội tiết và mạn tính. Phụ nữ có thai.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** mô tả cắt ngang, can thiệp lâm sàng không nhóm chứng.

- **Cỡ mẫu:** 31 bệnh nhân.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu thuận tiện, trong thời gian nghiên cứu chúng tôi

ghi nhận được 31 mẫu thỏa các tiêu chuẩn.

- **Thời gian và địa điểm nghiên cứu:** Từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2024, nghiên cứu được thực hiện tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và phòng khám Hòa Minh.

- **Nội dung nghiên cứu:** Đặc điểm chung: tuổi, giới tính. Phân độ nặng của mụn trứng cá. Mức độ đáp ứng điều trị. Các biến chứng sau 4 tuần, 8 tuần.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** thu thập số liệu theo phiếu khảo sát, số lượng, theo dõi đánh giá hiệu quả, tác dụng không mong muốn sau 4 tuần điều trị và sau 8 tuần điều trị.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Nhập và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 18.0 với các test thống kê, mô tả.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu được chấp thuận của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Y Dược Cần Thơ số 23.006/PCT-HĐĐĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023.

- Quy trình thực hiện:

Chuẩn bị bệnh nhân: Thăm khám và giải thích bệnh nhân về kế hoạch điều trị và ký giấy tham gia nghiên cứu.

Bệnh mụn trứng cá chia thành ba mức độ sau [4]: mức độ nhẹ (dưới 20 tổn thương không viêm, hoặc dưới 15 tổn thương viêm hoặc tổng số lượng tổn thương dưới 30); mức độ vừa (có 20 – 100 tổn thương không viêm hoặc 15 – 50 tổn thương viêm, hoặc 20 – 125 tổng tổn thương) và mức độ nặng.

Theo dõi quá trình điều trị: Phân mức độ hiệu quả điều trị mụn trứng cá, được đánh giá sau mỗi 4 tuần điều trị, dựa trên các mức độ sau [2]: tốt (không còn mụn mủ, hết bóng nhờn, sẩn viêm giảm $\geq 90\%$, không còn ngứa, da hết đỏ.); khá (còn mụn mủ, giảm nhờn đáng kể, sẩn viêm giảm từ $60\% - 89\%$, không còn ngứa, da giảm đỏ); trung bình (còn mụn mủ, giảm nhờn nhẹ, sẩn viêm giảm $20\% - 59\%$, ngứa ít, da còn đỏ); kém hoặc không đáp ứng (còn mụn mủ, giảm nhờn không đáng kể, sẩn viêm giảm ít hơn 20% hoặc không giảm, còn ngứa, da còn đỏ).

Đánh giá tác dụng phụ gây đỏ da theo thang điểm IGA-Investigator's Global Severity Assessment sau thời gian 4 tuần và 8 tuần: ngứa, đỏ da, khô da, bùng mụn.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của mẫu nghiên cứu. Trong nghiên cứu của chúng tôi, có 31 bệnh nhân tình nguyện tham gia nghiên cứu.

Bảng 1. Đặc điểm về tuổi và giới (n=31)

Đặc điểm		Số bệnh nhân	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	17	54,8
	Nữ	14	45,2
Tuổi	12–19	29	93,6
	20–24	2	6,4

Nhận xét: Đối tượng trong nghiên cứu này phần lớn là nam (chiếm 54,8%). Độ tuổi thường gặp nhất là 12–19 tuổi (93,6%).

Bảng 2. Phân độ tổn thương mụn trứng cá của bệnh nhân (n=31).

Phân độ tổn thương mụn trứng cá	Số bệnh nhân	Tỷ lệ (%)
Mức độ tổn thương	Nhẹ	23
	Trung bình	8
		74,2%
		25,8%

Nhận xét: Bệnh nhân mức độ nhẹ chiếm 74,2%. Mức độ trung bình 25,8% (8 bệnh nhân).

3.2. Hiệu quả điều trị bằng kem chứa cao chiết rau mướp

Bảng 3. Hiệu quả điều trị sau 4 tuần, 8 tuần (n=31).

Mức độ đáp ứng điều trị qua các tuần	Tuần 4		Tuần 8	
	Số BN	%	Số BN	%
Tốt	9	29	16	51,6
Khá	8	25,8	8	25,8
Trung Bình	14	45,2	7	22,6
Tổng	31	100	31	100

Nhận xét: Kết quả nghiên cứu cho thấy ở tuần thứ 4 hiệu quả đáp ứng điều trị trung bình chiếm tỉ lệ cao nhất (45,2%) tỉ lệ thấp nhất ở mức độ khá (25,8%), tuần thứ 8 thì hiệu quả đáp ứng điều trị tốt chiếm tỷ lệ cao nhất (51,6%), tỉ lệ thấp nhất ở mức độ trung bình (22,6%).

Bảng 4. Các vấn đề gặp phải trong quá trình sử dụng sản phẩm (n=31).

Tác dụng phụ	Tuần 4		Tuần 8	
	Số BN	%	Số BN	%
Ngứa	2	6,5	0	0
Đỏ da	0	0	0	0
Khô da	0	0	0	0
Bùng mụn	2	6,5	0	0

Nhận xét: Có 2 trường hợp bị ngứa khi mới sử dụng, chiếm tỉ lệ 6,5% nhưng tình trạng này mất đi sau vài ngày; 2 trường hợp bị bùng mụn sau 4 tuần điều trị và giảm sau 8 tuần.

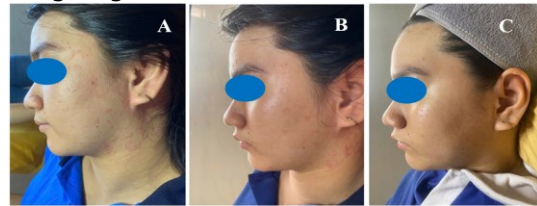
IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung mẫu nghiên cứu.

Đối tượng trong nghiên cứu này phần lớn là nam (chiếm 55%). Độ tuổi thường gặp nhất là 12–19 tuổi (95%). Các nghiên cứu trước đây cho thấy bệnh trứng cá thường khởi phát ở lứa tuổi thanh thiếu niên, 90% ở lứa tuổi 13–19, sau đó bệnh thuyên giảm dần. Đôi khi bệnh khởi phát muộn hơn ở tuổi 20–30, thậm chí 50–59 [1][3].

Do tổn thương cơ bản của bệnh trứng cá thông thường là những sản nhân mụn nên chúng tôi lựa chọn phương pháp đếm số lượng từng loại tổn thương mụn trứng cá và kết quả cho thấy đa số bệnh nhân tham gia có mức độ nhẹ (chiếm 75%).

4.2. Hiệu quả điều trị bằng kem chứa cao chiết rau mướp. Trong nghiên cứu của chúng tôi, tại tuần thứ 4, tỷ lệ bệnh nhân đạt hiệu quả đáp ứng trung bình cao nhất (45%), trong khi vào tuần thứ 8, tỷ lệ bệnh nhân có hiệu quả đáp ứng tốt đạt đỉnh (50%). Nghiên cứu của Trịnh Tiến Thành (2024) trên 65 bệnh nhân ghi nhận rằng phác đồ doxycyclin kết hợp FOB 10 Lotion sau 8 tuần điều trị cho kết quả tốt với tỷ lệ 33,85%, thấp hơn so với nghiên cứu của chúng tôi [5]. Ngược lại, nghiên cứu của Vũ Văn Tiến (2020) về điều trị mụn trứng cá bằng isotretinoin kết hợp bôi kem lô hội ALO4 trong 3 tháng đã cho kết quả tốt ở 89,29% bệnh nhân [6] – con số cao hơn đáng kể so với nghiên cứu của chúng tôi. Sự chênh lệch này có thể do chúng tôi sử dụng kem chiết xuất rau mướp với thành phần hoàn toàn tự nhiên và thời gian đánh giá ngắn hơn.



Hình 1. Trường hợp lâm sàng. BN Tô Quỳnh Gi, nữ (19 tuổi). A: Trước điều trị. B: sau điều trị 4 tuần. C: sau điều trị 8 tuần.

Trong nghiên cứu, chúng tôi đã theo dõi các tác dụng phụ của sản phẩm sau 4 và 8 tuần điều trị. Cụ thể, có một trường hợp báo cáo triệu chứng ngứa khi mới bắt đầu sử dụng sản phẩm, nhưng tình trạng này biến mất sau vài ngày; trong khi đó, một trường hợp khác cho biết có hiện tượng bùng mụn sau 4 tuần điều trị, nhưng triệu chứng này giảm rõ sau 8 tuần. Những kết quả này cho thấy sản phẩm có tính an toàn cao và ít gây tác dụng phụ. Tuy nhiên, do nghiên cứu được thực hiện trên quy mô mẫu nhỏ và thời gian theo dõi ngắn, nên khả năng đánh giá chính xác hiệu quả của các phương pháp điều trị còn bị hạn chế.

V. KẾT LUẬN

Điều trị mụn trứng cá bằng cao chiết rau mướp bước đầu có đáp ứng tốt. Tại tuần thứ 4, tỷ lệ bệnh nhân đạt hiệu quả đáp ứng trung bình cao nhất (45,2%) và đến tuần thứ 8, tỷ lệ đạt

hiệu quả đáp ứng tốt tăng lên 51,6% và mức độ trung bình giảm xuống còn 22,6%. Sản phẩm được đánh giá có độ an toàn cao khi chỉ có một số tác dụng phụ nhẹ như ngứa (6,5%) và bùng mụn ban đầu, tất cả đều được cải thiện sau thời gian theo dõi. Những kết quả này không chỉ khẳng định tiềm năng của kem chứa cao chiết rau mướp trong điều trị mụn trứng cá mà còn góp phần mở rộng lựa chọn điều trị tự nhiên, an toàn và bền vững trong thực hành lâm sàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **H. V. Bá**, "Nghiên cứu tình hình, đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị bệnh trứng cá có bôi corticoid bằng Isotretionin. Luận án Tiến sĩ," Trường Đại học Y Hà Nội, 2011.
2. **N. T. Hiền**, "Nghiên cứu độc tính và hiệu quả của Acneca trong điều trị mụn trứng cá thể thông thường," Trường Đại học Y Hà Nội, 2020.
3. **V. H. G. Khang, Đ. N. Á. My, P. T. N. Sang, N. T. T. Linh, V. Đ. Q. Bình, and L. T. K. Ngân**,

"Đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị mụn trứng cá mức độ trung bình bằng minocyclin uống tại Bệnh viện Da liễu Thành phố Cần Thơ năm 2022," Tạp chí Y Dược học Cần Thơ, vol. 70, pp. 196–202, 2024.

4. **BỘ Y TẾ**, "Hướng dẫn chuẩn đoán và điều trị các bệnh da liễu (Ban hành kèm theo Quyết định số 75/QĐ-BYT ngày 13/01/2015)," 2015.
5. **T. T. Thành, H. V. Bá, and T. Đ. Quyết**, "Đánh giá tác dụng hỗ trợ điều trị bệnh trứng cá thông thường mức độ vừa bằng bôi kem oxyd 10 %, gluconolactone 9% và urea 2%," Tạp chí Y Dược Lâm Sàng 108, vol. 19, no. 7, pp. 57–62, 2024.
6. **V. V. Tiên, T. Đ. Quyết, and N. D. Thành**, "Kết quả điều trị bệnh trứng cá thông thường mức độ vừa và nặng bằng isotretinoin kết hợp bôi kem lô hội ALO4," Tạp chí Y - Dược học Quân sự, vol. 3, pp. 96–101, 2020.
7. **J. R. Shaikh and M. Patil**, "Qualitative tests for preliminary phytochemical screening: An overview," Int. J. Chem. Stud., vol. 8, no. 2, pp. 603–608, 2020, doi: 10.22271/chemi.2020.v8.i2i.8834.

THỪA CÂN BÉO PHÌ VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI BỆNH ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYPE 2 ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ VINH YÊN

Đặng Thuỳ Trang¹, Nguyễn Thị Thuý², Lê Tuấn Linh², Đặng Bé Nam³, Lê Đặng Nam Phương³, Lê Đặng Phương Mai³, Trần Tuấn Dương⁴, Đặng Thị Kiều⁴, Nhâm Thị Thanh Ngân⁴, Đỗ Nam Khánh⁴

TÓM TẮT

Mục tiêu: mô tả tình trạng thừa cân béo phì (TCBP) và một số yếu tố liên quan của người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại Trung tâm Y tế Thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc năm 2023-2024. **Phương pháp:** nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 252 người bệnh đái tháo đường type 2 trên 20 tuổi điều trị ngoại trú tại Trung tâm Y tế Thành phố Vinh Yên tỉnh Vĩnh Phúc. **Kết quả:** Trong số 252 đối tượng tham gia nghiên cứu nữ chiếm 50,8%, nam 49,2%, Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu (ĐTNC) bị TCBP là 17,8%, trong đó ĐTNC nam giới thừa cân 30,6% cao hơn nữ giới 5,5%. Tỷ lệ ĐT có SDD độ 1 là 2,4%, trong đó nữ giới 3,1% cao hơn nam giới 1,6%. Nhóm tuổi <55 tuổi có 81,8% người TCBP và TCBP ≥ 55 tuổi là 82,2%. Đối tượng có vòng eo cao ở tuổi < 55 tuổi 43,2% và VE cao ≥ 55 tuổi 45,7%. Đối tượng có

chỉ số WHR cao ở <55 tuổi là 84,1% và WHR ≥ 55 tuổi là 81,2%. Chưa tìm thấy mối liên quan nào giữa chỉ số sinh hóa với tình trạng TCBP của cả hai giới với $p>0,05$. Tỷ lệ ĐTNC hút thuốc lá có nguy cơ TCBP cao gấp 6,1 lần so với người không hút thuốc lá (lào). Đối tượng có uống rượu bia có nguy cơ TCBP cao gấp 7,1 lần so với đối tượng không uống rượu bia. Có mối liên quan giữa thói quen hút thuốc lá (lào), uống rượu bia với tình trạng TCBP của đối tượng NC với $p<0,05$. **Kết luận:** đa số ĐTNC có tình trạng dinh dưỡng bình thường, 17,8% ĐTNC bị TCBP. Có mối liên quan TCBP với các hành vi lối sống thiếu lành mạnh như giữa thói quen hút thuốc lá (lào), uống rượu bia.

Từ khóa: Thừa cân béo phì, đái tháo đường, Trung tâm Y tế Vinh Yên.

SUMMARY

OVERWEIGHT & OBESITY AND SOME RELATED FACTORS OF TYPE 2 DIABETES OUTPATIENTS AT VINH YEN CITY MEDICAL CENTER IN 2023-2024

Objective: To describe the prevalence of overweight and obesity (OWO) and some related factors in patients with type 2 diabetes mellitus receiving outpatient treatment at Vinh Yen City Medical Center, Vinh Phuc Province, during 2023-2024. **Methods:** Cross-sectional descriptive study on

¹Bệnh viện Đa khoa Cà Mau

²Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Vĩnh Phúc

³Phòng khám Đa khoa Phương Nam, Cà Mau

⁴Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Đỗ Nam Khánh

Email: donamkhanh@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 7.01.2025

Ngày phản biện khoa học: 13.2.2025

Ngày duyệt bài: 10.3.2025